

HOSE 16/07/2014

VNINDEX 589.67 0.37 0.06%

KLGD 138,138,520 CP
GTGD 2,244.22 Tỷ
GTR NDTNN 22.92 Tỷ

CP Tăng giá 108 CP
CP Giảm giá 98 CP
CP Đứng giá 98 CP



HNX 16/7/2014

HNXINDEX 80.16 -0.07 -0.09%

KLGD 72,518,949 CP
GTGD 803.92 Tỷ
GTR NDTNN 24.14 Tỷ

CP Tăng giá 101 CP
CP Giảm giá 72 CP
CP Đứng giá 206 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 640.90 4.81 0.76%
HNX30 163.34 -0.66 -0.41%

Tâm điểm

- ▶ **Giao dịch gia tăng mạnh, 2 sàn đuối dần về cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng ở mức cao**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,000 tỷ đồng
- ▶ **Việt Nam xuất siêu 1.51 tỷ USD 6 tháng đầu năm**
Theo số liệu chính thức của Tổng cục Hải quan
Trí Thức Trẻ
- ▶ **Trên 80% vốn FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh đổ vào dệt may**
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dệt may cao cấp xấp xỉ 200 triệu USD.
Vietnamplus
- ▶ **Kinh tế Trung Quốc tăng tốc trong quý 2**
GDP của Trung Quốc tăng vượt dự báo của các chuyên gia trong quý 2
DVO/Reuters
- ▶ **FIT: 6 tháng lãi gần 68 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch lợi nhuận năm**
Được biết, năm 2014, FIT đặt mục tiêu đạt 75,74 tỷ đồng LNST
Trí Thức Trẻ
- ▶ **TNC: Điều chỉnh giảm mạnh kế hoạch kinh doanh 2014**
TNC điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận giảm từ 27 tỷ đồng xuống 15 tỷ đồng
Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,047,289	14.2	3.2	21.1%	11.2%
HNX	129,728	17.2	1.6	7.7%	4.1%
Toàn bộ thị trường	1,177,017	16.1	3.0	19.8%	10.5%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,047	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,353	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	39,035	21.1	2.2	18.4%	7.9%
Khai khoáng	11,906	50.9	4.9	2.2%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,323	18.9	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	30,037	52.1	1.1	-4.1%	1.5%
Máy công nghiệp	8,409	6.5	1.4	21.4%	14.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,073	13.7	1.4	15.1%	11.4%
Lốp xe	8,287	10.0	2.7	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,794	9.7	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,283	23.0	4.8	22.0%	17.0%
Dược phẩm	16,004	12.5	3.1	25.9%	16.7%
Phần mềm	17,486	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,431	5.4	1.2	-6.1%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	214,918	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,512	23.1	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,175	14.1	1.4	8.3%	6.2%
Ngân hàng	244,410	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	139,090	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,574	10.6	2.1	20.4%	8.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam xuất siêu 1.51 tỷ USD 6 tháng đầu năm

Trên 80% vốn FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh đổ vào dệt may

Kinh tế Trung Quốc tăng tốc trong quý 2

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FIT: 6 tháng lãi gần 68 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch lợi nhuận năm

TNC: Điều chỉnh giảm mạnh kế hoạch kinh doanh 2014

SAM: Quý 2 công ty mẹ bất ngờ lỗ hơn 3 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo số liệu chính thức của Tổng cục Hải quan, trong tháng 6 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước đạt 12.38 tỷ USD, giảm 0.2%; nhập khẩu đạt 12.43 tỷ USD, giảm 2.7% so với tháng trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu đạt 71.1 tỷ USD, tăng 15.3%; nhập khẩu đạt 69.6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực FDI xuất khẩu đạt 43.7 tỷ USD, tăng 17.1%; nhập khẩu đạt gần 39 tỷ USD, tăng 10.7% so với năm 2013. Như vậy, trong tháng 6 Việt Nam nhập siêu 51 triệu USD, qua đó cán cân thương mại cả nước 6 tháng đầu năm thặng dư 1.5 tỷ USD.

Theo Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh (Hepza), các dự án đầu tư vào lĩnh vực dệt may và dệt may cao cấp chiếm gần 71% tổng vốn đầu tư thu hút mới trong nước và nước ngoài 6 tháng đầu năm 2014. Tính riêng tổng vốn đầu tư nước ngoài, lĩnh vực dệt may cao cấp chiếm hơn 82% tổng vốn đầu tư, xấp xỉ 200 triệu USD. Ông Trần Việt Hà, Trưởng phòng Quản lý Đầu tư của Hepza, cho biết với dự báo thị trường dệt may toàn cầu sẽ tăng trưởng khoảng 3,5% và việc Việt Nam đang tích cực đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), các nhà đầu tư nước ngoài đã có những dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực dệt may và dệt may cao cấp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất của thành phố.

Theo số liệu vừa công bố ngày 16/7, GDP Trung Quốc trong quý 2 tăng trưởng 7.5% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với dự báo 7.4% cũng như tốc độ tăng trưởng 7.4% của quý 1. Số liệu này đã củng cố thêm niềm tin của chính phủ Trung Quốc rằng kinh tế đang trên đà phục hồi mạnh mẽ nhờ các biện pháp kích thích của chính phủ. Cùng ngày, một báo cáo khác cho biết, sản lượng công nghiệp tháng 6 của Trung Quốc đã tăng 9.2% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt so với 9% ước tính ban đầu. Sáu tháng đầu năm, đầu tư tài sản cố định - yếu tố chính ảnh hưởng đến kinh tế Trung Quốc - tăng 17.3% so với cùng kỳ năm 2013 và cao hơn dự báo 17.2% của các chuyên gia.

► Tin doanh nghiệp

Theo BCTC công ty mẹ quý 2/2014 của CTCP Đầu tư F.I.T (HNX: FIT), trong quý 2, Công ty ghi nhận hơn 45 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng gần nhiều lần so với cùng kỳ năm 2013. Đóng góp lớn từ lợi nhuận quý này là mảng đầu tư tài chính chứng khoán ngắn hạn, tài chính với hơn 47.5 tỷ đồng. Với kết quả này, lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng lợi nhuận trước thuế của F.I.T là 86.88 tỷ đồng, hoàn thành xấp xỉ 86% kế hoạch lợi nhuận năm và lãi sau thuế 67.74 tỷ đồng. Tính trên vốn điều lệ mới gần 347 tỷ đồng, EPS 6 tháng đạt hơn 1,955 đồng. Với kết quả này, bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Tổng giám đốc F.I.T tỏ ra khá tự tin về khả năng vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (HOSE: TNC) vừa công bố điều chỉnh giảm kế hoạch kinh doanh năm 2014. Theo đó, hầu hết các chỉ tiêu quan trọng đều được công ty cắt giảm mạnh. Cụ thể, sản lượng DRC giảm xuống 1,167 tấn thay cho kế hoạch 1,460 tấn tương đương mức giảm 20%. Doanh thu giảm xuống gần 93.3 tỷ đồng thay cho kế hoạch 119 tỷ đồng tương đương mức giảm 22%. Lợi nhuận giảm xuống 15 tỷ đồng thay cho kế hoạch lãi 27 tỷ đồng tương đương mức giảm 44%. Cổ tức cũng giảm xuống còn 5% thay cho tỷ lệ 8% đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua. Trước đó, tại phiên họp HĐQT ngày 24/06, TNC công bố kết quả kinh doanh ước tính 6 tháng đầu năm 2014 với 46 tỷ đồng doanh thu và 10 tỷ đồng LNTT tương đương hoàn thành 39% và 37% so với kế hoạch kinh doanh cũ.

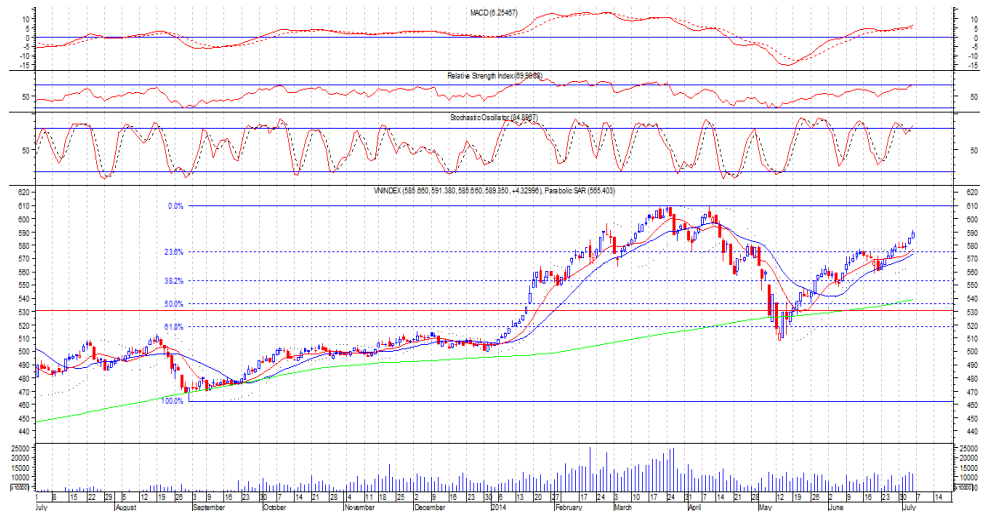
CTCP Đầu tư và Phát triển Sacom (HOSE: SAM) công bố báo cáo tài chính quý 2/2014 với doanh thu thuần vốn vện 472 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế âm 3.2 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi tới 20 tỷ đồng. Theo giải trình của SAM, số dẽ cùng kỳ trước lãi cao do có nhiều nguồn thu như tiền giải thể đợt cuối của CSG, bán cổ phiếu HPG, hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi do đã thu được tiền, lãi tiền gửi ngân hàng...Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần chưa đến 1 tỷ đồng, còn lợi nhuận sau thuế hơn 2.5 tỷ đồng, bằng 4.3% của cùng kỳ. Tại ngày 30/06/2014, tiền và các khoản tương đương của SAM chỉ ở mức 58 tỷ đồng, giảm mạnh 71% so hồi đầu năm.

HOSE 16/07/2014 VNINDEX 589.67 0.37 0.06% 138,138,520 CP 2,244.22 bil VND

Giao dịch gia tăng mạnh, chỉ số 2 sản yếu dần đi về cuối phiên

VN-Index tăng 0.37 điểm (+0.06%), đóng cửa tại mức 589.68 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhẹ, nhưng đã tăng bị thu hẹp lúc đóng cửa.

- MACD cho tín hiệu bán ra phiên hôm nay. Đây là một yếu tố khá tiêu cực.
- Stochastic Oscillator vẫn tiếp tục gia tăng mạnh.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) gia tăng lên mức 64. Điều này cho thấy sức mạnh của thị trường đang gia tăng.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.5%)	14,911,910
SAM	-0.4 (-3.7%)	8,198,960
HQC	-0.1 (-1.2%)	6,487,030
AGR	-0.4 (-5.3%)	6,017,380
ITA	-0.1 (-1.2%)	5,178,550

HOSE Top 5 theo % tăng

MWG	6 (6.9%)	17,290
VSI	0.5 (6.8%)	80
VNG	0.6 (6.8%)	1,210
LGC	1.6 (6.8%)	10
NAV	0.4 (6.8%)	670

HOSE Top 5 theo % giảm

VST	-0.2 (-6.9%)	104,280
KHP	-0.8 (-5.6%)	22,370
NVN	-0.2 (-5.4%)	830
PHR	-1.5 (-5.4%)	9,640
EMC	-0.3 (-5.4%)	3,030

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HPG	28,6 tỷ	495,410
HT1	17,1 tỷ	1,150,550
CSM	8,8 tỷ	189,280
VCB	5,6 tỷ	215,900
PPC	5,4 tỷ	240,370

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-15,2 tỷ	216,000
GAS	-13,9 tỷ	126,410
AVF	-6,3 tỷ	1,200,000
PVD	-5,7 tỷ	65,220
HAG	-5,4 tỷ	211,410

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	777,610	22.92

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch rất tích cực khi mở phiên giao dịch. Màu xanh lan tỏa khắp sàn. Tuy nhiên, lực bán mạnh cuối phiên khiến chỉ số này thu hẹp đà tăng lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD tiếp tục gia tăng và đạt 134 triệu đơn vị. Lực bán chốt lời xuất hiện nhiều, nhưng việc thanh khoản gia tăng cũng cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá hưng phấn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 22,92 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua ròng trở lại sau giai đoạn bán ròng vừa rồi, điều này sẽ hỗ trợ tốt cho TT trong giai đoạn tới.
- ▶ VN-Index tiếp tục gia tăng tới vùng đỉnh cũ 600 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	18.5	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	129.0	107,512.96	16.8	5.7	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.1	69,557.03	15.6	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.0	67,611.84	201.7	4.5	2.2%	0.7%
VIC	894.2	70.0	62,596.83	8.4	4.0	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.2	28,715.89	23.1	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	11.6	2.7	25.0%	10.7%
PVD	275.3	87.0	23,947.46	11.2	2.3	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

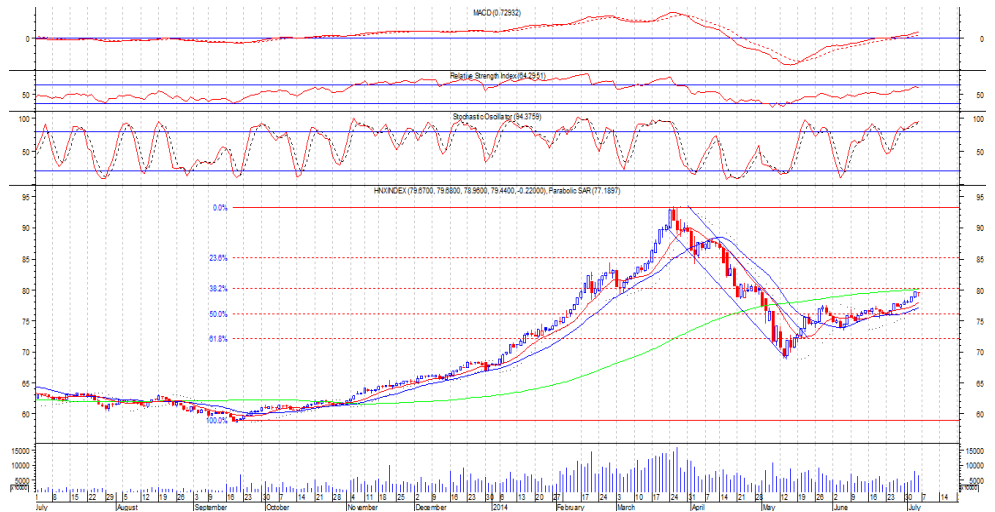
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.5	3,454.11	14.5	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.9	17,160.32	10.7	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.8	2,347.52	16.5	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	8.7	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.4	535.63	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 16/07/2014 HNX-Index 80.16 -0.07 -0.09% 72,518,949 CP 803.92 bil. VND

Giao dịch gia tăng mạnh, chỉ số 2 sản yếu dần đi về cuối phiên

Chỉ số HNX-Index giảm 0.07 điểm (-0.09%), đóng cửa tại mốc 80.16 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự và giằng co mạnh của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng mạnh, cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn đang được củng cố.
- RSI (14) giữ ở mức 64.
- HNX-Index chinh phục thành công mức 80 điểm và đang tích lũy tại vùng này.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	11,766,250
KLF	0.2 (1.7%)	7,181,230
KLS	-0.1 (-0.8%)	5,876,960
SCR	-0.1 (-1.1%)	5,630,140
SHB	0 (0.0%)	4,305,820

HNX Top 5 theo % tăng

L14	0.8 (9.9%)	100
PRC	1 (9.8%)	1,000
SAF	2.9 (9.8%)	100
ALV	0.5 (9.6%)	5,610
DST	0.5 (9.6%)	500

HNX Top 5 theo % giảm

NHC	-3.5 (-10.0%)	100
VE8	-0.8 (-9.4%)	100
VLA	-1.3 (-9.1%)	6,700
CKV	-0.9 (-8.8%)	400
TST	-0.4 (-8.2%)	2,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	11,0 tỷ	336,900
DBC	4,0 tỷ	169,000
LAS	3,3 tỷ	89,200
VND	3,0 tỷ	180,500
PVC	2,1 tỷ	95,600

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VIG	-1,1 tỷ	220,000
HNM	-0,5 tỷ	50,000
SHB	-0,4 tỷ	45,500
DXP	-0,2 tỷ	6,000
IVS	-0,2 tỷ	27,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	723,894	24.14

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch rất tích cực khi mở phiên giao dịch. Màu xanh lan tỏa khắp sàn. Tuy nhiên, lực bán mạnh cuối phiên khiến chỉ số đóng cửa giảm điểm nhẹ
- ▶ KLGD tiếp tục gia tăng và đạt 70 triệu đơn vị. Lực bán chốt lời xuất hiện nhiều, nhưng việc thanh khoản gia tăng cũng cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá hưng phấn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 24 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index đã chinh phục thành công ngưỡng 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng HNX-Index sẽ tiếp tục tích lũy tốt ở vùng này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	32.1	14,339.08	9.6	1.7	19.3%	6.2%
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
SQC	110.0	76.3	8,393.00	258.9	6.4	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.2	6,272.29	14.0	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.0	4,282.87	15.1	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	37.5	2,918.70	6.3	2.0	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.2	2,647.73	7.7	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	32.0	1,216.00	7.9	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.6	388.08	7.5	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.6	1,609.15	11.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	21.5	1,075.00	12.8	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.0	307.12	6.4	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	13.73%	92.0	201.69	4.52	140,811	166,943	151,020
VIC	HOSE	894.2	62,596.83	13.68%	70.0	8.42	4.03	413,686	362,598	369,303
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.62%	57.5	11.60	2.66	1,107,592	914,552	687,889
PVD	HOSE	275.3	23,947.46	9.64%	87.0	11.23	2.33	335,188	338,593	336,641
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	8.07%	25.3	14.96	1.37	2,875,577	2,604,797	2,756,780
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.65%	20.3	10.60	1.40	341,097	1,961,703	1,534,727
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	6.07%	26.1	15.61	1.56	284,204	529,402	561,498
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.32%	32.6	6.52	1.41	897,748	882,399	1,034,670
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.07%	8.2	104.97	0.76	6,717,875	5,674,268	5,500,281
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	2.45%	42.2	23.14	2.28	169,530	198,155	336,852
KBC	HOSE	389.8	4,443.27	2.33%	11.4	26.45	0.88	1,601,883	1,413,604	957,753
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.28%	45.0	10.99	1.95	147,809	126,109	141,891
GMD	HOSE	114.4	3,970.43	1.97%	34.7	126.52	0.86	106,836	173,306	271,255
VSH	HOSE	206.2	3,196.74	1.58%	15.5	14.97	1.20	871,556	646,004	465,200
PPC	HOSE	318.2	7,158.48	1.47%	22.5	7.81	1.26	495,192	380,586	430,846
CSM	HOSE	67.3	3,115.62	1.45%	46.3	8.61	2.46	710,748	564,852	414,869
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.34%	54.0	11.93	3.12	299,127	299,295	221,637
HVG	HOSE	120.0	2,856.00	1.24%	23.8	14.89	1.23	394,441	574,600	534,435
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.51	1.22	1,738,259	1,725,560	984,759
DIG	HOSE	143.0	2,330.83	1.06%	16.3	43.77	0.98	191,512	157,446	236,189
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	0.82%	11.4	50.33	1.07	1,348,768	1,357,955	1,722,584

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.67%	20.3	10.60	1.40	341,097	1,961,703	1,534,727
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	7.43%	92.0	201.69	4.52	140,811	166,943	151,020
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	7.31%	26.1	15.61	1.56	284,204	529,402	561,498
VIC	HOSE	894.2	62,596.83	6.29%	70.0	8.42	4.03	413,686	362,598	369,303
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.63%	32.6	6.52	1.41	897,748	882,399	1,034,670
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	5.63%	42.2	23.14	2.28	169,530	198,155	336,852
PVS	HNX	446.7	14,339.08	5.50%	32.1	9.61	1.71	2,610,087	2,607,809	2,077,411
PVD	HOSE	275.3	23,947.46	3.79%	87.0	11.23	2.33	335,188	338,593	336,641
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.48%	8.2	104.97	0.76	6,717,875	5,674,268	5,500,281
SHB	HNX	886.1	8,063.36	3.36%	9.1	9.98	0.76	11,397,732	8,093,664	6,835,234
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	3.27%	25.3	14.96	1.37	2,875,577	2,604,797	2,756,780
VCG	HNX	441.7	6,272.29	3.21%	14.2	13.95	1.12	1,249,723	1,204,159	1,665,635
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	2.07%	11.4	50.33	1.07	1,348,768	1,357,955	1,722,584
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.52%	54.0	11.93	3.12	299,127	299,295	221,637
GMD	HOSE	114.4	3,970.43	1.49%	34.7	126.52	0.86	106,836	173,306	271,255
PPC	HOSE	318.2	7,158.48	1.32%	22.5	7.81	1.26	495,192	380,586	430,846
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.51	1.22	1,738,259	1,725,560	984,759
PVX	HNX	400.0	1,840.00	0.00%	4.6	- 0.82	2.30	5,878,684	5,599,845	7,287,850

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	62,596.83	0.00%	70.0	8.42	4.03	413,686	362,598	369,303
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.00%	92.0	201.69	4.52	140,811	166,943	151,020
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.00%	32.6	6.52	1.41	897,748	882,399	1,034,670
HAG	HOSE	718.2	18,169.31	0.00%	25.3	14.96	1.37	2,875,577	2,604,797	2,756,780
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	0.00%	26.1	15.61	1.56	284,204	529,402	561,498
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.00%	20.3	10.60	1.40	341,097	1,961,703	1,534,727
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	0.00%	42.2	23.14	2.28	169,530	198,155	336,852
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.64	0.99	360,528	311,344	376,644
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	18.53	5.87	236,270	274,626	401,666

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.88%	92.0	201.69	4.52	140,811	166,943	151,020
VIC	HOSE	894.2	62,596.83	0.56%	70.0	8.42	4.03	413,686	362,598	369,303
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.31%	20.3	10.60	1.40	341,097	1,961,703	1,534,727
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.03	0.24%	26.1	15.61	1.56	284,204	529,402	561,498
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.15%	32.6	6.52	1.41	897,748	882,399	1,034,670
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	0.08%	42.2	23.14	2.28	169,530	198,155	336,852

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,047	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,353	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,820	23.7	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	808	8.3	0.8	10.7%	5.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,035	21.1	2.2	18.4%	7.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,633	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,906	50.9	4.9	2.2%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,323	18.9	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	30,037	-	52.1	1.1	-4.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,133	7.4	1.2	17.6%	9.3%
Công nghiệp phức hợp	906	4.8	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,679	10.2	1.0	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,676	-	17.8	0.8	-0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,409	6.5	1.4	21.4%	14.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,018	-	3.0	1.0	3.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,073	13.7	1.4	15.1%	11.4%
Dịch vụ vận tải	6,310	8.9	1.5	18.0%	11.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,445	10.6	1.4	14.0%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	209	9.9	0.6	8.1%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	186	8.6	0.8	10.2%	4.4%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,757	9.9	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	8,287	10.0	2.7	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	2,153	6.7	1.1	16.0%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	363	13.5	2.2	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	249	7.1	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,794	9.7	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,283	23.0	4.8	22.0%	17.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,184	8.4	1.0	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	160	9.0	1.5	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,175	8.8	1.5	17.7%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,867	8.8	1.7	16.7%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	701	-	8.4	1.1	1.3%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		909	16.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		137	3.4	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		169	8.0	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm		16,004	12.5	3.1	25.9%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		310	40.6	1.0	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		663	12.6	1.1	12.7%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,271	9.1	1.3	14.5%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,045	8.3	1.0	12.5%	8.2%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,628	35.2	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,251	28.3	1.5	15.4%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,223	16.4	2.5	23.2%	19.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		612	24.3	0.8	3.2%	1.2%
Internet		400	84.4	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm		17,486	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		446	16.0	0.8	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		261	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		7,624	18.7	1.0	30.6%	10.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,431	-	5.4	1.2	-6.1%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		214,918	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Nước		1,197	6.5	1.0	16.6%	10.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,163	5.2	0.8	15.6%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,456	12.2	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,739	7.7	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,512	23.1	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,420	50.3	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		26,175	14.1	1.4	8.3%	6.2%
Ngân hàng						
Ngân hàng		244,410	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		139,090	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		40,574	10.6	2.1	20.4%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.